TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2026/DS-ST
Ngày: 13-5-2026
Về việc*: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trang Thanh Bình;

2/ Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 815/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 78A/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Huyền V, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 6, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của bà V: Anh Lê Duy Lượng, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Trường Phú, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền số 008940, quyển số 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thuý H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã Truông Mít, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2025 của bà Phạm Huyền V và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền – anh Lê Duy Lượng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thể hiện:*

Do có quen biết nên ngày 22/5/2022 bà V cho chị H 200.000.000 đồng. Đến ngày 22/6/2022 chị H tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay chị H không có thỏa thuận thời hạn trả. Do sau khi vay chị H có trả lãi cho bà V được 05 tháng, mỗi tháng là 9.600.000 đồng, tổng số tiền lãi bà V đã nhận là 48.000.000 đồng đến tháng 11/2022 (AL) thì ngưng nhằm ngày 12/12/2022.

Sau đó chị H có góp hàng ngày 100.000 đồng, chị H góp được 03 tháng được số tiền 9.000.000 đồng đến ngày 12/3/2023 thì ngưng, còn nợ 231.000.000 đồng. Do chị H và anh T là vợ chồng, chị H vay tiền để kinh doanh có thu nhập cho gia đình nên anh T phải có trách nhiệm cùng chị H trả tiền cho bà V.

Do đó, nay bà V yêu cầu anh T và chị H trả số tiền 231.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 12/4/2023 là ngày anh chị ngưng trả tiền cho bà V.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Toà án không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Huyền V đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thuý H về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*". Buộc anh T và chị H có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 231.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 12/4/2023 đến nay; Khấu trừ phần lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bà V đã nhận trước ngày 12/4/2023.

- Về án phí: chị H và anh T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh T và chị H có nơi cư trú tại ấp Ấp 6, xã Truông Mít căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án

nhân dân khu vực 11–Tây Ninh giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thuý H đã được Toà án triệu tập những vắng mặt lần thứ hai nên HĐXX vắng mặt anh chị là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Bà V yêu cầu anh T và chị H trả số tiền vay. Do đó, xác định đây là tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà V có cho chị H và anh T vay 02 lần vào ngày 22/5/2022 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 22/6/2022 chị H tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng là 240.000.000 đồng, anh chị đã trả được 9.000.000 đồng. Do đó, bà V yêu cầu chị H và anh T trả số tiền 231.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của bà V thấy rằng: Căn cứ vào các giấy mượn tiền thể hiện ngày 22/5/2022 (AL) chị H có vay của bà V số tiền 200.000.000 đồng, ngày 22/6/2022 (AL) chị H vay số tiền 40.000.000 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị H và anh T vắng mặt nên không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Bà V cho rằng có nhận 9.000.000 đồng tiền gốc do chị H trả nên ghi nhận. Do đó, bà V yêu cầu chị H trả số tiền 231.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, do bà V chỉ nhớ đã nhận 05 tháng tiền lãi nhưng không cụ thể thời gian nào và mỗi tháng 9.600.000 đồng, tổng cộng số tiền 48.000.000 đồng là vượt quá quy định của pháp luật nên cần khấu trừ số tiền lãi vượt quá vào số tiền gốc mà chị H và anh T nợ tại thời điểm trả lãi là phù hợp với quy định về lãi suất tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Số tiền lãi được tính lại số như sau: 240.000.000 đồng x 1.66% x 05 tháng = 19.920.000 đồng.

Số tiền lãi vượt quá là 48.000.000 đồng – 19.920.000 đồng = 28.080.000 đồng được khấu trừ vào số tiền gốc là: 240.000.000 đồng - 28.080.000 đồng= 211.920.000 đồng.

Bà V cho rằng có nhận 9.000.000 đồng tiền gốc do chị H trả nên ghi nhận. Do đó, số tiền anh T và chị H còn nợ lại là 202.920.000 đồng.

[2.2] Mặc dù, các giấy mượn tiền chỉ do chị H viết và ký tên, tuy nhiên tại Bản án số 46/2025/DS-ST ngày 25-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu cũng đã xác định chị H và anh T có kinh doanh tiệm tạp hóa để có thu nhập cho gia đình nên anh T có nghĩa vụ liên đới với các giao dịch trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, bà V yêu cầu chị H và anh T có nghĩa vụ liên đới là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của bà V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị H vay tiền không có thoả thuận thời hạn trả tiền và cũng không thoả thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nên mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 0,83% theo quy định tại khoản 2 Điều 468 là có căn cứ và phù hợp theo quy định Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do bà V và chị H không thỏa thuận thời hạn trả tiền, sau đó thì chuyển sang trả góp H ngày đến ngày 12/3/2023 thì ngưng nên việc bà V yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 12/4/2023 là có căn cứ chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: 202.920.000 đồng x 0,83% x 39 tháng = 65.685.000

Tổng số tiền chị H và anh T phải trả cho bà V là 268.605.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Anh T và chị H phải chịu 13.430.250 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Huyền V đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thuý H về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Chị Nguyễn Thuý H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Huyền V số tiền 268.605.000 (hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, nếu anh T và chị H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà V số tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị H và anh T phải chịu 13.430.250 (mười ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi) đồng

Bà V là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

Lê Thị Hoàng Yến